

**TÌM HIỂU QUAN NIỆM VÀ CÁCH TIẾP CẬN VỀ KINH TẾ  
TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

*Trần Xuân Châu  
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*

**TÓM TẮT**

*Đa dạng hoá các cách tiếp cận và các quan hệ kinh tế chủ yếu của kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay là một nội dung cốt lõi để nắm hiểu, khám phá, sáng tạo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

**I. Quan niệm về Kinh tế tư nhân (KTTN)**

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin đã nghiên cứu sâu sắc các nền kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về TLSX. Nhưng trong tác phẩm của các ông, chúng ta không gặp thuật ngữ KTTN mà chỉ gặp các thuật ngữ: sở hữu tư nhân, sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa (TBCN), lao động tư nhân, chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN....

Dựa trên các kết quả nghiên cứu của A.Mooc – gan, trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*”, Ăng - ghen đã chứng minh rằng: tổ chức kinh tế của gia đình cá thể chính là loại hình đơn vị kinh tế đầu tiên dựa trên chế độ sở hữu tư nhân trong lịch sử. Và như chúng ta đã biết, những đơn vị kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân, một khi nằm trong hệ thống phân công lao động xã hội sẽ trở thành đơn vị sản xuất và trao đổi hàng hoá. Như vậy, sở hữu tư nhân đã làm nảy sinh KTTN.

Có thể nói, trong lịch sử hiện đại ở Việt Nam, vấn đề KTTN chứa đựng nhiều thăng trầm nhất trong cả lý luận và thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước. Cũng từ thăng trầm ấy, chúng ta đã dần nhận ra rõ hơn chính mình và chân lý hiện thực của KTTN.

Từ những bức xúc của thực tiễn, ý tưởng về KTTN đã xuất hiện từ Hội nghị TW6, khoá IV (1979); nhưng mãi đến Nghị quyết 16 BCT – BCHTW khóa VI (3/1989), Đảng ta mới đưa ra quan niệm: KTTN là đơn vị kinh tế do những người có vốn, có tài sản lập ra sản xuất và kinh doanh theo pháp luật; KTTN bao gồm các hình thức: hộ cá thể; hộ tiểu chủ; hộ tiểu thương, các DNTN dưới nhiều hình thức: xí nghiệp tư doanh; công ty tư doanh; công ty cổ phần,...

Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII – Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) có ghi: KTTN được phát triển đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý hướng dẫn của Nhà nước; trong đó kinh tế cá thể và kinh tế tiểu chủ có phạm vi

hoạt động tương đối rộng lớn ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế TBTN phát triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Ở đây, quan niệm về KTTN sẽ bao gồm: kinh tế cá thể; kinh tế tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân,... Hội nghị Đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII chủ trương khuyến khích phát triển KTTN trong những ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

Trong “*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*”, “Đảng ta đã xác định cơ cấu thành phần kinh tế đến năm 2000 như sau: Trong nền KTTT với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba hình thức sở hữu cơ bản (sở hữu tư nhân, sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân), sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng. Các thành phần kinh tế được xác định là: kinh tế quốc doanh; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; và kinh tế gia đình không là một thành phần kinh tế độc lập nhưng được khuyến khích phát triển mạnh. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng cộng sản Việt Nam, năm 2001 có ghi: nền kinh tế nhiều thành phần với những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp, bao gồm 6 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể - tiểu chủ và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân là hai thành phần kinh tế khác nhau.

Trong các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW (khóa IX), Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 3 năm 2002 (trang 24) đã xác định: “... được sự đồng tình hưởng ứng tích cực của nhân dân, KTTN gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân”. Ở đây, lần đầu tiên KTTN được đặt vấn đề rõ ràng, mạch lạc, cởi mở hơn, và đặc biệt là “không hạn chế về quy mô” và được tự do phát triển trong các ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm. Cũng ở đây, KTTN được nhận dạng đích thực: “KTTN là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, phát triển KTTN là vấn đề chiến lược lâu dài trong chiến lược phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế” [ 3, tr 26, 27]. Trong Hội nghị này, Đảng ta cũng đã đặt vấn đề: KTTN không chỉ liên doanh, liên kết với nhau, mà còn liên doanh với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước, nhằm tạo ra lực đẩy đột phá trong vận hội mới của đất nước. Hội nghị này cũng đã đặt ra một vấn đề nóng bỏng và nhạy cảm: cho phép và khuyến khích đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, ĐCSVN, tháng 4 năm 2006, có thể coi là một sự khẳng định hoàn thiện trong quan niệm về KTTN ở Việt Nam: “các thành phần kinh tế (bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài,...” và “KTTN có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”

và cần “thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp” [4, tr 83, 84]. Trong cơ cấu thành phần kinh tế ở phần báo cáo về “phương hướng, nhiệm vụ, phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010” của Đại hội X có quan niệm: khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế dân doanh, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài [4, tr 146] và: “không phân biệt thành phần kinh tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta” [3, tr 231]. Trong văn kiện này, cũng có vấn đề cần chú ý: ngay trong các HTX kiểu mới cũng cần đa dạng hóa các hình thức sở hữu (có sở hữu pháp nhân, thể nhân)... Ở đây, ngay trong loại hình kinh tế tập thể, vẫn còn có phần sở hữu tư nhân. Mặt khác, cần khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có nhiều chủ sở hữu với hình thức CTCP”... và “khuyến khích tư nhân mua cổ phần của các DNNN, tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế” [4, tr 236, 237].

Có thể coi những điều trình bày ở trên là những thành tố quan trọng để xác định quan niệm về KTTN ở Việt Nam hiện nay:

*Một là*, KTTN là loại hình tổ chức kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân về TLSX, vốn cũng như những sản phẩm được tạo ra từ TLSX và vốn ấy.

*Hai là*, KTTN gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp thuộc tư nhân.

## **II. Các cách tiếp cận về KTTN**

Cho đến nay, ở nước ta có hai cách tiếp cận chủ yếu trong quan niệm về KTTN: KTTN là một thành phần kinh tế, KTTN là một khu vực kinh tế. Đó là do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của chúng ta. Ở đây, vẫn có điểm tương đồng của cả hai cách tiếp cận (về bản chất, KTTN đại diện cho sở hữu tư nhân), nhưng sẽ dẫn đến sự không nhất trí cao (hoặc thiếu nhất quán, hoặc mập mờ) giữa tư tưởng và hành động trong Đảng, trong xã hội. Theo chúng tôi, nên thay đổi cách tiếp cận “thành phần kinh tế” bằng cách tiếp cận “khu vực kinh tế”, bởi vì:

Thứ nhất, với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa hình thức sở hữu, khả năng động với tốc độ nhanh, nhất là những năm gần đây, thì việc phân định kinh tế cá thể, tiểu chủ, và kinh tế tư bản tư nhân là không thực sự khả thi và không có ý nghĩa thực tế. Mặt khác, việc tiếp cận thành phần kinh tế nghiêng về ý nghĩa chính trị hơn là về ý nghĩa kinh tế, nhằm nhận định về thái độ nhìn nhận và phân biệt về chế độ, chính sách của nhà nước đối với các thành phần kinh tế. Nó chỉ phù hợp trong giai đoạn trước đây, với công cuộc cải tạo XHCN. Hiện nay, nếu tiếp cận các lực lượng kinh tế theo thành phần kinh tế sẽ gây tác động về tâm lý, rằng đây là tư hữu, phi XHCN, là thành phần bóc lột và là nguồn gốc sinh ra bóc lột.

Thứ hai, thật ra về mặt lý luận, quan niệm về thành phần kinh tế là có tính chất lịch sử. Với chỉ thị 81 – CT/TW (14-05-1958), khái niệm thành phần kinh tế lần đầu

tiên được sử dụng vào việc hoạch định chính sách cải tạo XHCN nền kinh tế. Từ năm 1961 đến năm 1975, ở miền Bắc các thành phần kinh tế tư nhân đã bị loại ra khỏi cơ cấu nền kinh tế; nhiệm vụ “cải tạo KTTN” ở miền Nam, cho đến năm 1985 cũng căn bản không thành công. Trong xây dựng và phát triển đất nước, chặng dài 20 năm qua, đã cho thấy, chuyển sang nền KTTT phải coi trọng KTTN mới phù hợp với quy luật tổng quát của sự phát triển: quy luật tăng thêm giá trị.

Trước đây, ở Liên Xô, V. I. Lênin đã sử dụng khái niệm thành phần kinh tế trong mối quan hệ mật thiết giữa phát triển và chính trị, giữa kinh tế và vấn đề CNXH, đã xem việc xác định thành phần kinh tế, mà thực chất là thành phần giai cấp, là tất yếu và đặt vấn đề “ai thắng ai” giữa hai con đường CNXH và CNTB thành trung tâm của cách mạng. Song trong điều kiện hiện nay, khi sự phát triển trở thành tâm điểm của toàn bộ tiến trình kinh tế, thì sự phân biệt về mặt giai cấp giữa các loại hình kinh tế sẽ không còn cần thiết nữa. Hiện nay, ở Trung Quốc và các nước đang phát triển, xây dựng nền kinh tế theo khuôn mẫu nền KTTT hiện đại, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển, họ cũng không dùng khái niệm “thành phần kinh tế” mà dùng khái niệm “loại hình kinh tế”. Như vậy, khái niệm thành phần kinh tế là có tính chất lịch sử, nó xuất hiện và mất đi cùng với sự thay đổi của bối cảnh lịch sử. Rõ ràng, khi chuyển sang nền KTTT định hướng XHCN sẽ không còn một thành phần kinh tế XHCN biệt lập như cách hiểu của V.I.Lênin trước đây, mà là các loại hình kinh tế với các phương thức sản xuất khác nhau cùng tồn tại và vận động, hợp tác và cạnh tranh, bình đẳng trước pháp luật. Hơn nữa, một khi còn phân biệt thành phần kinh tế, tức là còn phân biệt giai cấp trong đấu tranh chính trị, cho dù không nhằm xóa bỏ các thành phần kinh tế, thì cũng khó có một sự bình đẳng thật sự và vẫn chứa đựng nguy cơ, khả năng xuất hiện sự xóa bỏ. Tóm lại, thuật ngữ thành phần kinh tế là có tính lịch sử, đã hoàn thành sứ mạng của nó và không còn mang tính cách là một khái niệm khoa học nữa.

Thứ ba, cách tiếp cận khu vực kinh tế, là điều tự nhiên cần thiết để tổ chức và quản lý có hiệu quả nền kinh tế. Trong việc phân chia cơ cấu nền kinh tế thị trường hiện đại (vốn là nền kinh tế hỗn hợp giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân), thuật ngữ khu vực kinh tế được xem là khái niệm trung tâm. Nó không những phản ánh đặc trưng của nền KTTT hiện đại, mà còn chỉ rõ tính chất, vai trò và chức năng đặc thù của hai khu vực kinh tế: nhà nước và tư nhân. Là kết quả của sự phát triển và xã hội hóa nền kinh tế, hai khu vực này không thể thay thế nhau, không lấn át và loại trừ nhau, đến lượt mình, hình thành một cơ cấu tự nhiên, một hệ thống và phương thức phát triển chung của nền kinh tế. Cùng kết hợp, thực hiện chức năng đặc thù của mình trong một cơ cấu, chúng tạo nên lực đẩy cộng sinh, song trùng, giúp cho nền kinh tế vận hành tốt và đạt đến tăng trưởng bền vững.

Hơn nữa, nếu phân chia cơ cấu kinh tế thành các khu vực: KTNN, KTTN, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, sẽ tạo cơ sở cho việc xác định, nhìn nhận rõ hơn vai trò của các nguồn lực, huy động được tối đa sức mạnh của cả cộng đồng vào phát triển.

Cách tiếp cận khu vực kinh tế, do đó, sẽ giúp lý giải được tiến trình của sự phát triển và dự báo được các tiến trình kinh tế.

Như vậy có thể quan niệm: KTTN là khu vực kinh tế, bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, dựa trên sở hữu tư nhân về TLSX và các nguồn lực đầu vào khác của tư nhân; tồn tại dưới hình thức DNTN, CTCP, CTTNHH và các hộ kinh doanh cá thể.

### **III. Các quan hệ kinh tế chủ yếu của KTTN**

Để nghiên cứu KTTN một cách đầy đủ, cần có sự tiếp cận trên nhiều góc độ khác nhau. Song, trên góc độ Kinh tế Chính trị học, chúng tôi tập trung đề cập KTTN chủ yếu trên 3 quan hệ kinh tế cơ bản sau:

#### ***3.1. Quan hệ sở hữu***

Sở hữu, xét dưới góc độ kinh tế, là sự chiếm hữu nhất định về các nguồn lực đầu vào (TLSX, vốn...) và thụ hưởng các kết quả đầu ra từ sự chiếm hữu ấy. Trong các xã hội có đẳng cấp, có giai cấp, có phân định về lợi ích, có nhà nước, thì sở hữu được thể chế hoá thành các quyền (quyền sở hữu) bao gồm: quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt. Trong Bộ luật dân sự nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (tháng 10 năm 1995) có ghi: “Sở hữu tư nhân là sở hữu của cá nhân đối với tài sản hợp pháp của mình” [2, tr96]. Khi cá nhân dùng tài sản ấy vào hoạt động kinh tế thì gọi là sở hữu cá thể và trong quá trình vận động sẽ tiến tới tiểu chủ và tư bản tư nhân. Trong lịch sử nói chung, quan hệ sở hữu tư nhân được chia làm hai loại: sở hữu tư nhân nhỏ vào sở hữu tư nhân lớn.

Trong sở hữu tư nhân nhỏ, các nguồn lực đầu vào do chính người sở hữu sử dụng và chi phối, ba yếu tố của quyền sở hữu nhập làm một trong một chủ sở hữu. Sở hữu TN nhỏ thường có qui mô nhỏ, gắn với cá thể và tiểu chủ, gắn với cá nhân hay hộ gia đình sản xuất ra sản phẩm bằng sức lao động của chính cá nhân hay hộ gia đình đó, và theo C.Mác, nó gắn với sản xuất hàng hoá giản đơn.

Trong sở hữu tư nhân lớn thì các nguồn lực đầu vào không phải do chính người sở hữu sử dụng mà giao cho người khác sử dụng, ba yếu tố của quyền sở hữu đã bắt đầu tách ra. Sở hữu TN lớn thường có qui mô lớn, gắn liền với phân công lao động xã hội, với thị trường và xác lập nền sản xuất lớn, đại diện cho nền kinh tế thị trường. Sở hữu TN lớn thường gắn với tích tụ vốn và sử dụng lao động làm thuê. Người lao động làm thuê bán quyền sử dụng sức lao động (SLĐ) cho chủ sở hữu tư liệu sản xuất, vốn để nhận được phần giá trị sản phẩm tất yếu và họ phải làm ra được giá trị sản phẩm thặng dư (trong trường hợp chủ sở hữu - chẳng hạn là nhà TB (theo C.Mác) – là người không tham gia lao động và nhận giá trị thặng dư) hoặc họ phải làm ra được một phần giá trị sản phẩm thặng dư (phần này cũng thuộc chủ sở hữu, nhưng chủ sở hữu cũng là người lao động).

Trong lịch sử, sở hữu tư nhân lớn thường gắn với - và tạo ra - chế độ (hoặc hiện tượng) người bóc lột người về mặt kinh tế. Theo C.Mác, sở hữu TN lớn đã từng tồn tại trong lịch sử là: Sở hữu tư nhân của chủ nô, sở hữu tư nhân của chúa phong kiến; sở hữu tư nhân của nhà tư bản... Tuy vậy, trong nền KTTT hiện nay với sự xuất hiện của nhiều hình thức KTTN, hình thức kinh tế hỗn hợp (nhà nước và tư nhân)..., người lao động cũng có sở hữu cổ phần với vốn và tài sản của công ty... đã làm phức tạp thêm mối quan hệ giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, giữa chủ và người lao động.

Mặt khác, phạm trù bóc lột (và bóc lột giá trị thặng dư) ở nước ta hiện nay là khá phức tạp. Bóc lột là gì? Ở nước ta hiện nay, ai bóc lột ai? Để trả lời các câu hỏi này cần nhiều trăm trang viết cũng chưa thấu đáo và e rằng cũng khó đạt kết quả thống nhất. Sự bóc lột (Exploitation) liên quan đến nhiều mặt của đời sống xã hội và do vậy, có hàng ngàn định nghĩa khác nhau về bóc lột. Cho nên, quan niệm về bóc lột giá trị thặng dư của Marx mới chỉ là một cách tiếp cận, và lại được xét trong một bối cảnh rất đặc biệt, rõ ràng, không phải trong bối cảnh xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN, gắn với toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, có Đảng cộng sản lãnh đạo; đất nước có chủ quyền, có quân đội nhân dân, có nhà nước “của dân, do dân, vì dân” quản lý... và người lao động (tuy làm thuê) không phải là những công dân “không có tổ quốc” như Marx nói. Mặt khác, người sử dụng lao động làm thuê ở Việt Nam hiện nay cũng không còn nguyên nghĩa, đúng nghĩa như “nhà tư bản” thời Marx nghiên cứu.

### ***3.2. Quan hệ về tổ chức quản lý***

Thứ nhất, quan hệ tổ chức quản lý của các hình thức KTTN dựa trên sở hữu TN nhỏ (các hộ nông dân, thợ thủ công cá thể, tiểu thương, tiểu chủ) có tính chất như trong một gia đình. Quan hệ này dựa trên quyền lực tuyệt đối của người chủ trong gia đình. Các thành viên có nghĩa vụ phải phục tùng sự phân công, điều khiển của người chủ trong gia đình đối với các vấn đề sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, quan hệ giữa chủ và các thành viên không phải là quan hệ bóc lột mà nó mang tính chất gia trưởng.

Trong quá trình phát triển của sản xuất kinh doanh, nhiều hộ hoặc chủ cá thể, do nhu cầu mở rộng qui mô sản xuất, có tuyển thêm lao động ngoài gia đình, và như vậy, bản chất kinh tế - xã hội của loại hình kinh tế này đã bắt đầu thay đổi. Hộ cá thể đã chuyển thành hộ tiểu chủ. Mầm mống của quan hệ bóc lột đã xuất hiện. Tuy nhiên, nếu chủ hộ chừng nào chưa thoát li khỏi lao động trực tiếp thì ranh giới giữa bóc lột và không bóc lột cũng vẫn chưa được xác định một cách rõ ràng.

Thứ hai, quan hệ tổ chức quản lý của các hình thức KTTN dựa trên sở hữu TN lớn. Đây là quan hệ có chứa đựng sự bóc lột của người chủ sở hữu đối với người lao động. Trong lịch sử, quan hệ này đã tồn tại trong các hình thức kinh tế của chủ nô, của chúa phong kiến, của tư bản tư nhân. Sở hữu tư nhân lớn ở nước ta hiện nay thường có hàng trăm, hàng ngàn công nhân, thì cũng không có đủ điều kiện và tiêu chí để trở thành một giai cấp tư sản độc lập, đối lập, đối kháng... như phương thức sản xuất TBCN.

Thêm nữa, bóc lột không chỉ là một phạm trù có tính lịch sử, không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn hàm chứa ý nghĩa xã hội, đạo đức, nhân văn, nó được chế ngự và phải được hiểu một cách mềm dẻo. Chính C.Mác cũng đã chứng minh rằng, tư bản là một quan hệ xã hội, quan hệ kinh tế, quan hệ lợi ích và nó có tính lịch sử. Vì vậy, theo chúng tôi, không nên coi các chủ tư nhân lớn ở nước ta hiện nay là “nhà TB”, là “Tư bản tư nhân”, vì nó lạc lõng về chữ, không chính xác về nghĩa, và hơn hết, nó không “tạo lợi thế tối ưu” cho tiến trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong những năm tới.

### **3.3. Quan hệ về phân phối**

Đối với KTTN nhỏ (cá thể, tiểu chủ) dựa vào SLĐ của bản thân và gia đình, nên kết quả lao động là thuộc về chính họ. Đối với KTTN lớn, trước hết dựa trên nguyên tắc chung là: chủ sở hữu chiếm đoạt phần sản phẩm thặng dư, còn người lao động được hưởng phần sản phẩm tất yếu (tất nhiên là dựa trên cơ sở thoả thuận, hợp đồng và đúng luật pháp).

Trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay, khi mà nhiều đơn vị kinh tế dựa trên nhiều hình thức sở hữu khác nhau thì quan hệ phân phối càng trở nên phức tạp hơn. Có nhiều nguyên tắc, nhiều hình thức phân phối tồn tại đan xen lẫn nhau ở trong từng đơn vị kinh tế, thậm chí đối với cả từng cá nhân. Tuy vậy, khái quát lại, có thể kể tới 3 nguyên tắc phân phối cơ bản sau:

- Phân phối theo tài sản và vốn.
- Phân phối theo giá trị SLĐ
- Phân phối thông qua các quỹ phúc lợi và bảo hiểm của doanh nghiệp.

Từ quan hệ sở hữu và quan hệ tổ chức quản lý, xuất hiện các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh khác nhau: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh, hộ kinh tế cá thể, tiểu chủ và phần tư nhân trong hợp tác xã cổ phần.

Kết luận: Những điều trình bày trên đây, thiết nghĩ, có ý nghĩa quan trọng đối với giảng dạy, học tập, nhận thức và vận dụng trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. F.Ăng - ghen. *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 1997
2. Bộ Tư pháp. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, NXB. Bộ tư pháp, Hà Nội, 2006
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005.

- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.

## **APPROACHES TO PRIVATE ECONOMY IN VIETNAM NOWDAYS**

*Tran Xuan Chau*  
*College of Economics, Hue University*

### **SUMMARY**

*Diversifying the approaches and basic economic relations of private economy in Vietnam nowadays is a core content to grasp, discover and create the market economy oriented by the socialism.*